

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/DS-ST

Ngày 29-3-2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Việt Hùng

2. Ông Nguyễn Hải Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hòe - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2017/TLST-TCDS ngày 04 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-TCDS ngày 05 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Xuân T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Xóm A, xã TĐ, huyện TN, tỉnh ND.

- Bị đơn: Anh Ninh Văn Th, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện HH, tỉnh ND.

- Người có quyền lợi liên quan: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1961

Địa chỉ: Xóm A, xã TĐ, huyện TN, tỉnh ND.

(Có mặt ông T, bà Đ vắng mặt anh Th không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Phạm Xuân T trình bày:

Vợ chồng ông Phạm Xuân T với anh Ninh Văn Th có mối quan hệ quen biết trong việc làm ăn buôn bán lợn con với nhau. Cách đây khoảng 4 năm vợ chồng ông T và bà Đ làm nghề kinh doanh buôn bán lợn con, anh Ninh Văn Th là người

đi thu mua lợn con ở các lái buôn nhỏ để đem bán lợn cho lò mổ đông lạnh ở tỉnh Thái Bình, một số thì đem bán sang Trung Quốc, anh Th có hai xe ô tô tải để đi thu mua lợn. Anh Th đã đến nhà vợ chồng ông T và bà Đ để thu mua lợn. Do tin tưởng nên vợ chồng ông T và bà Đ đã đồng ý mua bán lợn con với anh Th, bắt đầu từ đầu năm 2013 vợ chồng ông T và bà Đ đã bán lợn con cho anh Th rất nhiều lần, trung bình mỗi ngày một lần mỗi lần khoảng 30 đến 40 con, thời gian đầu anh Th thanh toán sòng phẳng. Do làm ăn lâu dài với nhau nên vợ chồng ông T và bà Đ tin tưởng mới bán chịu cho anh Th nhiều lần, tính đến ngày 18-9-2016 anh Th còn nợ của vợ chồng ông T và bà Đ tổng cộng số tiền 202.555.000đ (Hai trăm linh hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn). Do anh Th không làm nghề thu mua lợn con nữa, vợ chồng ông T và bà Đ đã nhiều lần đến nhà anh Th đòi nợ tiền mua lợn con chưa thanh toán nhưng anh không có tiền thanh toán trả nợ cho vợ chồng ông T và bà Đ nên anh Th đã viết cho ông T một giấy biên nhận có nội dung sau: “Anh Ninh Văn Th ở xóm 2, xã C có mua lợn đông lạnh của anh T Trực Đại đến ngày 18-9-2016 có nợ anh T 202.555.000đ hẹn anh T từ tháng 10 tôi sẽ trả anh chị mỗi tháng một ít, trong vòng 18 tháng, tôi gửi hết số tiền trên” nhưng từ khi viết giấy nhận nợ cho đến nay anh Th vẫn chưa thanh toán trả cho vợ chồng ông T và bà Đ được đồng nào, bản thân anh Th đã không thực hiện đúng như cam kết, từ đó cho đến nay vợ chồng ông T và bà Đ đến nhà anh Th đòi nợ rất nhiều lần nhưng anh Th chây ì không có thiện trí thanh toán trả nợ mà cứ khát hết lần này đến lần khác, thời gian anh Th nợ tiền mua lợn con đã lâu, đến nay vợ chồng ông T và bà Đ cần vốn để làm ăn kinh doanh buôn bán, buộc ông T phải làm đơn khởi kiện. Đến nay ý kiến của ông T đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Th, phải có trách nhiệm thanh toán trả đủ cho vợ chồng ông T, bà Đ số tiền mua lợn con còn nợ là 202.555.000đ (Hai trăm linh hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn), ông T không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn anh Ninh Văn Th đã được Tòa án giao cho nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án số 56/TB-TLVA ngày 04-12-2017 và bản sao đơn khởi kiện của ông Phạm Xuân T, bản sao giấy biên nhận; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 55/TB-TA ngày 26-12-2017. Hết thời hạn ghi trong thông báo nhưng anh Th không có văn bản ghi ý kiến của mình để giao nộp cho Tòa án, anh Th cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Th đến làm việc và nhận các văn bản tố tụng nhưng anh Th cố tình không đến nên thông qua bưu chính viễn thông Tòa án gửi các văn bản sau: Thông báo hoãn hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ; Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Th nhận theo đúng trình tự tố tụng. Vì vậy anh Th đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Đ có lời khai thống nhất với lời khai của ông Phạm Xuân T. Bà Đ hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông T và không có ý kiến gì cần trình bày bổ sung.

Tại phiên tòa, ông Phạm Xuân T, bà Phạm Thị Đ vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày. Anh Ninh Văn Th vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Ninh Văn Th không có bản tự khai nộp cho Tòa án, không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và nhận các văn bản tố tụng tiếp theo của Tòa án là không chấp hành quyết định của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Anh Th đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Th.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm Xuân T khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự Điều 430; 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

[3] Về nội dung vụ án: Hợp đồng mua lợn con giữa anh Ninh Văn Th với vợ chồng ông Phạm Xuân T, bà Phạm Thị Đ dẫn đến anh Th còn nợ số tiền mua hàng là 202.555.000đ (Hai trăm linh hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn) của vợ chồng ông T, bà Đ là có thật và phù hợp với pháp luật. Việc mua lợn con giữa anh Th với vợ chồng ông T, bà Đ được chứng minh bằng giấy biên nhận nợ do anh Th viết, đến nay anh Th vẫn chưa thanh toán trả cho vợ chồng ông T, bà Đ số tiền nói trên và không có ý kiến gì về việc ông T khởi kiện. Qua đó chứng tỏ anh Th mặc nhiên thừa nhận là anh có nợ số tiền mua hàng 202.555.000đ của vợ chồng ông T, bà Đ chưa thanh toán trả. Đến nay anh Th không có chứng cứ gì để chứng minh về việc anh đã thanh toán trả hết số tiền mua hàng nói trên cho vợ chồng ông T, bà Đ. Trong giấy biên nhận anh Th có ghi “Anh Ninh Văn Th ở xóm 2, xã C có mua lợn đông lạnh của anh T Trục Đại đến ngày 18-9-2016 có nợ anh T 202.555.000đ hẹn anh T từ tháng 10 tôi sẽ trả anh chị mỗi tháng một ít, trong vòng 18 tháng, tôi gửi hết số tiền trên”, đối chiếu với quy định của Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thấy anh Th đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Từ những căn cứ nêu trên, đã có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc anh Th có trách nhiệm phải thanh toán trả cho vợ chồng ông T, bà Đ số tiền mua hàng còn nợ 202.555.000đ (Hai trăm linh hai triệu năm trăm

năm mươi lăm nghìn đồng chẵn), là phù hợp với Điều 430, 434, 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Nay ông T chỉ yêu cầu đòi số tiền hàng anh Th chưa thanh toán mà không yêu cầu tính lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nên về vấn đề lãi suất Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Ninh Văn Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho ông Phạm Xuân T đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều Điều 430, 434, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Xuân T kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với anh Ninh Văn Th là hợp pháp.

2. Buộc anh Ninh Văn Th phải có trách nhiệm thanh toán trả cho vợ chồng ông Phạm Xuân T và bà Phạm Thị Đ số tiền 202.555.000đ (Hai trăm linh hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn).

3. Án phí: - Anh Ninh Văn Th phải nộp 10.127.000đ (mười triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

- Ông Phạm Xuân T được hoàn trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 5.000.000đ (năm triệu đồng) tại biên lai số 0002358 ngày 04-12-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi T án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi gửi :

- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã C: (1 bản);
- UBND xã TĐ: (1 bản);
- Cấp cho đương sự: (3 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

Lại Văn Tùng

